

Số: 4425 /QĐ -STC

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán
NSNN năm 2022 trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 86/QĐ-UB ngày 15/12/2016 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế; số 01/2019/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 về việc sáp nhập và hợp nhất các phòng chuyên môn thuộc Sở Tài chính;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Báo cáo số 480/BC-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

Căn cứ Công văn số 9712/UBND-TC ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về đẩy mạnh công khai ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý ngân sách,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán NSNN năm 2022 báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo thuyết minh và các biểu kèm theo Quyết định này.

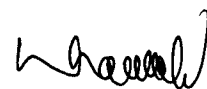
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý ngân sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh; (để báo cáo)
- Cổng thông tin điện tử TT Huế;
- Ban biên tập Website Sở Tài chính (để đăng tin)
- Lưu: VT, QLNS (N-4).

GIÁM ĐỐC



THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022

phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Năm 2021, tình hình dịch Covid-19 trên cả nước nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng tiếp tục diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh nhà và đời sống của người dân. Nhưng với quyết tâm cao của các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân; Tỉnh vừa tập trung triển khai nghiêm túc, đồng bộ, có hiệu quả chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về phòng, chống và kiểm soát dịch Covid-19, vừa tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội trên tất cả các ngành, lĩnh vực nên thực hiện thu, chi năm 2021 đã vượt dự toán Hội đồng Nhân dân tỉnh tỉnh giao; cụ thể như sau:

I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN:

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn HĐND tỉnh giao đầu năm 6.065 tỷ đồng, ước đạt (gọi tắt là đạt) gần 10.206 tỷ đồng, vượt 68,3% dự toán và tăng 12,1% so với cùng kỳ, cụ thể như sau:

1. Thu nội địa: Dự toán giao 5.597 tỷ đồng, đạt 9.540 tỷ đồng, vượt 70,4% dự toán và tăng 10,2% so với cùng kỳ, trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và thu phí tham quan di tích thì đạt 6.565 tỷ đồng, vượt gần 39% dự toán, tăng 4,3% so với cùng kỳ.

Dù bị ảnh hưởng của dịch Covid nhưng nhìn chung cả năm tình hình sản xuất, kinh doanh của nhiều ngành trên địa bàn tỉnh vẫn tương đối ổn định. Nguồn cung hàng hóa đảm bảo, giá cả ổn định ở phần lớn các nhóm hàng; hoạt động thương mại, vận tải, sản xuất công nghiệp và xây dựng đều tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ. Nhờ đó, hầu như các khoản thu đều vượt dự toán giao. Cụ thể như sau:

- Thu từ DNNN Trung ương quản lý đạt gần 210 tỷ đồng, vượt 48% dự toán và tăng 15,1% so với cùng kỳ; Thu từ DNNN địa phương quản lý đạt 190 tỷ đồng, vượt 9,8% dự toán, giảm 17,5% so với cùng kỳ do phần lớn doanh nghiệp trọng điểm khu vực kinh tế này có số nộp giảm so với cùng kỳ như: Công ty Xăng Dầu Thừa Thiên Huế; Công ty Cổ phần May Vinatex Hương Trà; Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp.

- Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 2.800 tỷ đồng, vượt 45,1% dự toán, tăng 12,7% so với cùng kỳ nhờ nguồn thu năm trước của các doanh nghiệp

chuyển sang khá lớn (khoảng hơn 300 tỷ đồng).

- Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 1.350 tỷ đồng, vượt 46,7% dự toán, tăng 11,6% so với cùng kỳ.

Một số khoản thu đạt rất cao như thuế thu nhập cá nhân (vượt 87% dự toán) và lệ phí trước bạ (vượt 46% dự toán) do thị trường bất động sản và việc mua sắm ô tô năm nay tiếp tục tăng trưởng khá; thu cấp quyền khai thác khoáng sản vượt gấp gần 2,7 lần dự toán; thu khác vượt 26% dự toán; thu cổ tức, lợi nhuận vượt 41% dự toán.

- Thu tiền sử dụng đất: đạt 2.900 tỷ đồng, vượt gấp 3,6 lần dự toán, tăng 30,7% so với cùng kỳ. Trong đó: Ngân sách tỉnh đạt 1.100 tỷ đồng, vượt 3,14 lần dự toán; Ngân sách huyện đạt 1.800 tỷ đồng, vượt 4 lần dự toán.

Tình hình thu ngân sách các huyện, thị xã, thành phố Huế (gọi chung là các huyện):

Dự toán thu trên địa bàn giao các huyện là 2.060 tỷ đồng, cả năm đạt 3.950 tỷ đồng, vượt 92% dự toán tỉnh giao; nếu không bao gồm thu tiền sử dụng đất thì vượt 36% dự toán. Hầu hết tất cả các huyện đều vượt dự toán giao thu trên địa bàn. Một số huyện vượt cao gấp đôi dự toán giao như Phong Điền, Quảng Điền, Hương Trà, Hương Thủy, Phú Vang, Phú Lộc; các huyện còn lại đều vượt dự toán giao.

2. Thu thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu

Đạt 550 tỷ đồng, bằng 120,9% dự toán và tăng 36,5% so với cùng kỳ. Tuy ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng do nhu cầu nguyên vật liệu sản xuất nên tình hình xuất, nhập khẩu các mặt hàng đều gia tăng như nhập khẩu nguyên phụ liệu hàng gia công, sản xuất xuất khẩu lĩnh vực may mặc, sợi, đồ chơi trẻ em, nguyên liệu sản xuất men frit, bia, vỏ lon...; xuất khẩu các sản phẩm gia công, dăm gỗ, clinker, sản lát khô...

Với tình hình thu ngân sách như trên, địa phương đảm bảo cân đối thu, chi NSNN theo dự toán giao và có thêm nguồn lực để thực hiện các dự án trọng điểm của tỉnh, của các huyện góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Thu huy động, đóng góp:

Dự toán giao là 13 tỷ đồng, đạt 120 tỷ đồng, vượt dự toán chủ yếu là khoản thu hỗ trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân ở các địa phương thực hiện các công trình dân sinh; khoản thu M3 của các dự án đầu tư trên địa bàn.

II. CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG:

Tổng chi ngân sách địa phương HĐND tỉnh giao đầu năm 10.679 tỷ đồng, ước cả năm đạt gần 11.208 tỷ đồng, bằng 105% dự toán, trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển:

Ước cả năm đạt 3.939 tỷ đồng, bằng 109% dự toán, chủ yếu do tăng chi bổ sung các công trình, dự án từ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất năm 2020, năm 2021; cụ thể như sau:

- Chi từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung đạt 93,5% dự toán.
- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất đạt 167,5% dự toán do nguồn bổ sung trong năm; đối với nguồn vốn giải ngân đầu năm chỉ đạt 98,3% dự toán.
- Chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết thực hiện theo dự toán giao.
- Chi từ nguồn vốn mục tiêu trung ương đạt 90,5% dự toán (nếu không gồm nguồn bổ sung trong năm thì nguồn giải ngân vốn giao đầu năm chỉ đạt 79,7% dự toán); trong đó, chi từ nguồn vốn ngoài nước chỉ đạt 65,3% dự toán đã ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân chung của kế hoạch đầu tư công năm 2021.

Nguyên nhân giải ngân vốn đầu tư công còn chậm là do:

- Các dự án khởi công mới thiết kế 02 bước phải tiến hành các thủ tục đấu thầu rộng rãi các gói thầu tư vấn lập dự án, lập thiết kế, dự toán; vướng mắc về công tác giải phóng mặt bằng nên kết quả giải ngân của các dự án đầu tư công còn bị hạn chế.

- Các dự án vay lại nước ngoài, khâu lập thiết kế dự toán phải lấy ý kiến nhà tài trợ mất khá nhiều thời gian.

- Một số dự án từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu (đê sông Thiệu Hóa, dự án đường Ven Biển) đến tháng 9 mới được Trung ương giao kế hoạch đầu tư công trung hạn đã ảnh hưởng đến kế hoạch giải ngân vốn trong năm.

*** Về bổ sung vốn cho các dự án:**

Trong năm, Tỉnh đã bổ sung từ nguồn vượt thu năm 2020, năm 2021 là 1.173,5 tỷ đồng cho các công trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn của tỉnh và hỗ trợ ngân sách các huyện, thị xã và thành phố Huế thực hiện một số dự án, công trình quan trọng trên địa bàn. Dự kiến cả năm giải ngân nguồn vốn này đạt khoảng 74% dự toán do nguồn vốn thực hiện được bổ sung vào giữa năm và cuối năm.

UBND tỉnh cũng đã thống nhất ý kiến với Thường trực HĐND tỉnh bổ sung vốn khắc phục thiên tai từ nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu là 300 tỷ đồng để đầu tư, sửa chữa một số công trình, dự án bị hư hỏng do ảnh hưởng của bão lũ; thống nhất phương án sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi là 170 tỷ đồng để thu hồi ứng trước và bổ sung vốn cho các công trình, dự án trên địa bàn.

2. Chi thường xuyên:

Đạt 7.063 tỷ đồng, tăng 5,5% dự toán chủ yếu do tăng chi phòng, chống dịch Covid-19, bổ sung một số nhiệm vụ cấp bách trong năm như sự nghiệp y tế tăng 16%, an ninh quốc phòng tăng 67%, sự nghiệp kinh tế tăng 12%. Các ngành, các cấp đã phân bổ và thông báo kinh phí cho các đơn vị trực tiếp sử dụng kinh phí để triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng dự toán được giao.

Trong công tác điều hành chi ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị phải đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, trong phạm vi dự toán được giao; tuân thủ kỷ luật chi tiêu tài chính NSNN. Đối với nhiệm vụ chưa phân bổ đầu năm cũng đã được phân bổ theo tiến độ thực hiện như kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ khai thác nuôi trồng thủy sản trên các vùng biển xa (70 tỷ đồng); chính sách đào tạo sau đại học (0,1 tỷ đồng); kinh phí đảm bảo an toàn giao thông (hơn 21,8 tỷ đồng).

*** Chi bổ sung trong năm:**

- Nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu: đã phân bổ kịp thời kinh phí thực hiện các nhiệm vụ như công tác bầu cử (21,9 tỷ đồng); kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững (3,4 tỷ đồng); kinh phí hỗ trợ khai thác nuôi trồng hải sản trên vùng biển xa (68 tỷ đồng); kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai (phần vốn sự nghiệp) 149,5 tỷ đồng; chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới gần 13 tỷ đồng.

- Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi đảm bảo hỗ trợ cho các đối tượng bảo trợ xã hội nhân dịp Tết Nguyên đán gần 30 tỷ đồng; thực hiện đề án đô thị thông minh hơn 12,4 tỷ đồng; bổ sung thực hiện các đề án góp phần đưa tỉnh trở thành thành phố trực thuộc trung ương 2,82 tỷ đồng; kinh phí tăng cường cơ sở vật chất ngành giáo dục các huyện 70 tỷ đồng; hỗ trợ sửa chữa nâng cấp trụ sở của UBND và một số Trạm y tế các xã, phường, thị trấn là 20 tỷ đồng.

- Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, UBND tỉnh đã thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh bổ sung kinh phí tiết kiệm 50% chi hội nghị và 10% chi thường xuyên 6 tháng cuối năm của ngân sách tỉnh là 21,3 tỷ đồng vào dự phòng ngân sách tỉnh năm 2021, tập trung cho công tác phòng, chống dịch Covid 19; đối với kinh phí tiết kiệm của ngân sách huyện 20,8 tỷ đồng giao UBND huyện trình trình Thường trực HĐND các huyện xem xét, quyết định việc sử dụng số kinh phí cắt giảm, tiết kiệm này để bổ sung dự phòng ngân sách các huyện, tập trung cho công tác phòng, chống dịch Covid – 19.

- Dự toán dự phòng ngân tỉnh đầu năm là 102 tỷ đồng. UBND tỉnh đã bổ sung đến nay gần 93 tỷ đồng, gồm:

+ Bổ sung cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh gần 65 tỷ đồng để thực hiện nhiệm vụ cấp bách như chi bảo vệ an ninh và thăm hỏi nhân dịp tết Nguyên Đán

(1,857 tỷ đồng); kinh phí khắc phục hậu quả mưa lũ (1,455 tỷ đồng); hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em Làng SOS (0,64 tỷ đồng); kinh phí thực hiện tuần lễ chuyển đổi số (1,7 tỷ đồng); kinh phí thuê tư vấn lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và đánh giá các hồ sơ dự án sử dụng đất (hơn 1 tỷ đồng); kinh phí xây dựng Chương trình phát triển nhà ở (0,846 tỷ đồng); KP thuê dịch vụ công nghệ thông tin hệ thống thông tin báo cáo 1,103 tỷ đồng; kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đào tạo 0,42 tỷ đồng; kinh phí mua vật tư phòng chống dịch hỗ trợ Lào (0,8 tỷ đồng); kinh phí phòng chống dịch viêm da ở trâu, bò (0,8 tỷ đồng); kinh phí nâng cấp hệ thống thu nhận hồ sơ căn cước công dân (2,8 tỷ đồng); kinh phí bù lỗ xe buýt còn lại năm 2020 (1,284 tỷ đồng); kinh phí in ấn và đoàn đại biểu tham dự Đại hội Đảng toàn quốc, lắp đặt màn hình phục vụ họp trực tuyến (gần 2 tỷ đồng) kinh phí thực hiện các đề án của các ngành (gần 5 tỷ đồng); kinh phí mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, trụ sở gần 12,171 tỷ đồng; kinh phí tập huấn, tuyên truyền, tổ chức các sự kiện, đoàn ra, đoàn vào của các cơ quan, đơn vị (3,979 tỷ đồng); kinh phí tổ chức tiếp nhận, cách ly phòng chống dịch và hỗ trợ các nhiệm vụ khác liên quan đến việc chống dịch gần 18 tỷ đồng; kinh phí biên chế chi trả lương, biên chế mới tuyển 1,849 tỷ đồng; kinh phí hỗ trợ an ninh 1,5 tỷ đồng, hỗ trợ quốc phòng 1,9 tỷ đồng; hỗ trợ các hội đoàn thể 0,9 tỷ đồng; kinh phí vận hành tòa nhà làm việc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh là 0,6 tỷ đồng và các nhiệm vụ khác.

+ Hỗ trợ ngân sách các huyện gần 28 tỷ đồng để sửa chữa trụ sở, xây dựng hệ thống cấp nước sạch, đầu tư sửa chữa các tuyến đường, sửa chữa di tích lịch sử 14 tỷ đồng; kinh phí diễn tập phòng thủ, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn các huyện (6,2 tỷ đồng); kinh phí chương trình phát triển đô thị thành phố Huế mở rộng 2 tỷ đồng; kinh phí mua sắm xe ô tô (gần 4,2 tỷ đồng); hỗ trợ các nhiệm vụ khác 1,2 tỷ đồng

Dự kiến từ đây đến cuối năm sẽ tiếp tục sử dụng dự phòng để ưu tiên công tác phòng chống dịch và một số nhiệm vụ đột xuất, cấp bách khác.

3. Về kinh phí phòng, chống dịch bệnh Covid 19

Thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 về một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19; Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế; khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong công tác phòng, chống dịch Covid-19; Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về hỗ trợ tiền ăn và bồi dưỡng chống dịch Covid-19 trong 05 ngày Tết Nguyên Đán Tân Sửu 2021, UBND tỉnh đã bổ sung gần 281 tỷ đồng để mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất và chi thực hiện các chế độ, chính sách đảm bảo trong phòng chống dịch bệnh, gồm nguồn dự phòng ngân sách 18 tỷ đồng, nguồn sự nghiệp y tế 65,8 tỷ đồng, 10% chi thường xuyên 6 tháng cuối năm 20,3 tỷ đồng và nguồn tăng thu, tiết kiệm chi 93,5 tỷ

đồng, tạm cấp từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu 14,3 tỷ đồng, Quỹ dự trữ tài chính tỉnh 70 tỷ đồng.

Dự kiến kinh phí phòng chống dịch từ đây đến cuối năm tiếp tục phát sinh lớn, UBND tỉnh dự kiến sử dụng nguồn Quỹ dự trữ tài chính tỉnh (khoảng 150 tỷ đồng) và nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu.

4. Tình hình nợ vay và ứng trước

a) Nợ vay

Trên cơ sở cam kết giải ngân của các dự án, dự kiến đến hết năm 2021, dư nợ vay từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại là 175,643 tỷ đồng, bao gồm vay thực hiện dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý đường địa phương LRAMP 46,8 tỷ đồng; dự án nâng cao an toàn hồ đập WB8 21,4 tỷ đồng; Chương trình phát triển đô thị loại II (các đô thị xanh) - dự án thành phần tỉnh Thừa Thiên Huế là 90,5 tỷ đồng; Dự án tăng cường quản lý cơ sở dữ liệu đất đai 14,7 tỷ đồng; Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp 2,3 tỷ đồng và dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2 là 3,4 tỷ đồng. (Các khoản vay nợ trên không bao gồm khoản nợ vay được trả nợ từ nguồn thu hồi của dự án năng lượng nông thôn II và nông thôn II mở rộng là 42 tỷ đồng).

b) Ứng trước

- Ứng trước ngân sách tỉnh đến nay là 545 tỷ đồng, trong đó: ứng vốn sự nghiệp là 68 tỷ đồng tạm ứng cho Trung tâm bảo tồn di tích cổ đô Huế để chi trả lương cho bộ máy và một số khoản chi thường xuyên cần thiết do không có nguồn thu đảm bảo chi hoạt động; tạm ứng trả nợ dự án năng lượng nông thôn II (thu hồi từ nguồn hoàn trả của dự án). Ứng vốn xây dựng cơ bản ngân sách tỉnh là 477 tỷ đồng.

- Ngân sách trung ương ứng cho ngân sách tỉnh gần 37,3 tỷ đồng, trong đó: tạm ứng các chính sách, chế độ 1,390 tỷ đồng (chủ yếu là tạm ứng kinh phí học bổng bán trú 290 triệu đồng; tạm ứng dự án công nghệ thông tin 1,1 tỷ đồng); tạm ứng vốn xây dựng cơ bản gần 36 tỷ đồng (các dự án xây dựng khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô...).

Phần II

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH NĂM 2022

Năm 2022 là năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025, là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021 - 2025 nên có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm

vụ phát triển kinh tế xã hội của giai đoạn này. Dự báo nền kinh tế của tỉnh tiếp tục chịu ảnh hưởng của dịch bệnh và thời tiết khó lường. Căn cứ Quyết định 2047/QĐ-TTg ngày 03/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2302/QĐ-BTC ngày 07/12/2021 của Bộ Tài chính về giao dự toán ngân sách địa phương năm 2022; trên cơ sở dự toán của các ngành, các huyện, thị xã, thành phố Huế, dự kiến dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2022 như sau:

I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH

1. Dự toán thu NSNN trên địa bàn:

Trình HĐND tỉnh giao là 6.861 tỷ đồng (không bao gồm thu bổ sung từ ngân sách Trung ương), tăng 13,1% so với dự toán địa phương năm 2021 và bằng 67,9% so với thực hiện năm 2021, trong đó:

a) Dự toán thu nội địa:

Bảng dự toán Chính phủ giao là 6.390 tỷ đồng, tăng 14,2% so với dự toán giao năm 2021 (không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết thì tăng 8,3% so với dự toán giao năm 2021). Trong đó:

- Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các khu vực kinh tế là 3.455 tỷ đồng, tăng 9% so với dự toán 2021, gồm: Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương 164 tỷ đồng, doanh nghiệp nhà nước địa phương 185 tỷ đồng; Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 2.106 tỷ đồng; Thu từ khu vực ngoài quốc doanh 1.000 tỷ đồng.

- Thu tiền sử dụng đất 1.200 tỷ đồng, tăng 50% so với dự toán năm 2021, gồm: thu từ quỹ đất tỉnh quản lý 550 tỷ đồng, thu từ quỹ đất huyện quản lý 650 tỷ đồng.

b) Dự toán thu thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu là 460 tỷ đồng, bằng dự toán Chính phủ và bằng 92% so với ước thực hiện 2021.

c) Dự toán thu huy động, đóng góp: 11 tỷ đồng.

Căn cứ Luật NSNN năm 2015 và phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia giữa các cấp ngân sách như trình HĐND tỉnh tại kỳ họp này thì ngân sách trung ương hưởng là 902 tỷ đồng, ngân sách tỉnh hưởng là 4.461 tỷ đồng, ngân sách huyện hưởng là 1.498 tỷ đồng.

2. Dự toán thu bổ sung từ ngân sách Trung ương:

Trung ương bổ sung là 5.405,3 tỷ đồng, trong đó:

- Bổ sung cân đối ngân sách là 3.202,7 tỷ đồng, tăng gấp hơn 2 lần so với năm 2021.

- Kinh phí để thực hiện một số dự án theo mục tiêu, nhiệm vụ khác là

2.117,3 tỷ đồng, tăng gần 4% dự toán 2021 (trong đó nguồn vốn ngoài nước bằng 99,2%, vốn trong nước tăng 6,2%).

- Kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ sự nghiệp là 85,3 tỷ đồng.

3. Dự toán thu chuyển nguồn năm trước sang:

Đề nghị HĐND tỉnh huy động nguồn tăng thu thực hiện năm 2021 so với dự toán giao là 150 tỷ đồng để đảm bảo kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ thực hiện trong năm 2022 như đề án chuyển đổi số; xử lý nước thải một số bệnh viện để đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn; tăng chi sự nghiệp y tế để đảm bảo phòng chống dịch Covid19...

II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

1. Căn cứ, nguyên tắc phân bổ:

Dự toán chi năm 2022 được phân bổ theo các căn cứ và nguyên tắc sau:

a) Phân bổ, giao dự toán chi căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng năm 2022; căn cứ quy định của Luật NSNN 2015; Luật Đầu tư công; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước địa phương giai đoạn 2021-2025; căn cứ Nghị quyết của HĐND Tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách các cấp và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trình HĐND tỉnh tại kỳ họp này.

b) Phân bổ đảm bảo ưu tiên tăng kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng như giáo dục, công nghệ thông tin, môi trường, bảo tồn di sản văn hóa, phòng chống dịch bệnh...; ưu tiên đối với vùng miền núi, vùng cao, vùng có tình hình an ninh trật tự phức tạp và kiến thiết thị chính đô thị góp phần tạo tiền đề cơ sở vật chất đưa tỉnh trở thành thành phố trực thuộc trung ương theo đúng Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị.

c) Phân bổ, giao chi ngân sách tỉnh cho các đơn vị, ngành căn cứ yêu cầu phát triển, khối lượng nhiệm vụ giao cho từng cơ quan, đơn vị và theo chế độ chi tiêu ngân sách hiện hành; bố trí kinh phí thực hiện các đề án, chương trình của tỉnh đã đề ra; bố trí nhiệm vụ chi thường xuyên chặt chẽ, tiết kiệm; giảm tối đa các khoản chi chưa thật sự cần thiết... Đảm bảo bố trí đủ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và các khoản chi cho con người theo mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng.

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, từng bước thúc đẩy nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ lệ chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại thu - chi ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế, yêu

cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị và địa phương theo đúng Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban chấp hành trung ương và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Năm 2022 năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách năm 2022 - 2025. Các huyện căn cứ nhiệm vụ thu năm 2022 được giao, tỷ lệ phân chia nguồn thu và số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh để xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương. Ngoài số bổ sung cân đối, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện để thực hiện các chính sách, chế độ do Trung ương và HĐND, UBND tỉnh ban hành nhưng chưa được bố trí hoặc bố trí chưa đủ trong dự toán ngân sách huyện của năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách; Các nhiệm vụ chi do Trung ương quy định, kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác do Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương; các nhiệm vụ chi do HĐND, UBND tỉnh ban hành chưa được dự toán trong định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trình HĐND tỉnh tại kỳ họp này; Hỗ trợ kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ, đề án, dự án về đầu tư phát triển và tăng cường cơ sở vật chất của các ngành, lĩnh vực thuộc huyện quản lý; Các nhiệm vụ chi hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và hỗ trợ khác.

Dự toán chi cân đối ngân sách huyện sẽ được giao tổng mức và theo những lĩnh vực chi chủ yếu: chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi dự phòng; trong đó giao mức tối thiểu đối với chi lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, dự phòng; các lĩnh vực còn lại trên cơ sở định hướng phân bổ chi của HĐND tỉnh, UBND huyện lập dự toán phân bổ trình HĐND cấp huyện quyết định.

2. Về dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022:

Theo căn cứ, nguyên tắc nói trên, dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022 là 11.918,3 tỷ đồng, tăng 11,6% so với dự toán 2021. Dự kiến phân bổ như sau:

- a) Chi đầu tư phát triển: 4.266 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 36%, tăng 18,1%.
- b) Chi thường xuyên: 7.377 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 62%, tăng 10,2% do chi thực hiện các chính sách, chế độ; tăng chi thực hiện các đề án, chương trình theo Nghị quyết của HĐND tỉnh; trong đó: chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo, chi khoa học công nghệ đảm bảo cao hơn mức Trung ương giao.

Trong đó:

- Dự toán chi ngân sách tỉnh: 6.341 tỷ đồng, tăng 11,6%, chiếm 53% tổng chi (năm 2021 chiếm 54%).
- Dự toán chi ngân sách huyện xã: 5.577 tỷ đồng, tăng 16,4%, chiếm 47%

tổng chi (năm 2021 chiếm 46%).

2.1. Về phương án phân bổ dự toán chi ngân sách tỉnh:

2.1.1. Dự toán chi đầu tư phát triển:

Dự toán chi đầu tư phát triển là 3.539 tỷ đồng, tăng 15,7% so với dự toán 2021, bao gồm:

a) Dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung là 192,4 tỷ đồng¹.

b) Dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung theo mục tiêu là 2.117,3 tỷ đồng, tăng gần 4%; trong đó: nguồn vốn nước ngoài 617 tỷ đồng, bằng 99,2%; vốn trong nước là 1.500 tỷ đồng, tăng 6,2%.

c) Dự toán chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 740,5 tỷ đồng gồm nguồn thu từ quỹ đất của tỉnh là 550 tỷ đồng và 30% nguồn thu từ quỹ đất ngân sách huyện là 190,5 tỷ đồng (khi HĐND tỉnh thông qua phương án phân chia ngân sách tỉnh hưởng 30% tại kỳ họp này)². Dự kiến phân bổ như sau:

- Chi đầu tư xây dựng là 625,5 tỷ đồng, tăng 53,5% so với dự toán năm 2021; trong đó, ưu tiên bố trí cho các công trình phát triển cơ sở hạ tầng giao thông lớn thuộc kế hoạch đầu tư công của tỉnh thực hiện trên địa bàn các huyện đã phân chia 30% nguồn thu về ngân sách tỉnh.

- Phần còn lại chi một số nhiệm vụ khác như chi đo đạc bản đồ địa chính 30 tỷ đồng (gồm 5 tỷ đồng kinh phí thực hiện Đề án thiết kế kỹ thuật - dự toán hoàn thiện bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp sau khi sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính trên địa bàn" theo NQ 834/NQ-UBTVQH ngày 17/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội); chi bổ sung đầu tư nâng cấp, sửa chữa lớn đường giao thông do tỉnh quản lý 62 tỷ đồng; hỗ trợ nâng cấp đường giao thông cho thành phố Huế 9 tỷ đồng và một số huyện vùng trung, ngập lụt như Phú Vang 7 tỷ đồng, Quảng Điền 7 tỷ đồng.

d) Dự toán chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 70 tỷ đồng, bằng dự toán năm 2021.

¹ Xây dựng cơ bản từ nguồn vốn trong nước là 475,4 tỷ đồng; phân cấp cho ngân sách thị xã Hương Trà, Hương Thủy, thành phố Huế 103 tỷ đồng; chi trả nợ vay nước ngoài 15,6 tỷ đồng (không đưa vào cân đối ngân sách); chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố Huế gần 148.968 tỷ đồng theo Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025; Hỗ trợ về nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ 15,44 tỷ đồng.

² Số thu tiền sử dụng đất từ quỹ đất do huyện quản lý là 650 tỷ đồng; trong đó, nguồn thu tiền sử dụng đất cho 02 huyện Nam Đông, A Lưới là 15 tỷ đồng, trình HĐND tỉnh phân chia ngân sách huyện hưởng 100%; nguồn thu tiền sử dụng đất của các huyện, thị xã và thành phố Huế (635 tỷ đồng) trình HĐND tỉnh phân chia về ngân sách tỉnh 30%.

đ) Chi đầu tư từ nguồn vốn vay lại nước ngoài: 418,9 tỷ đồng, tăng 74,8%.

2.1.2. Dự toán chi thường xuyên:

Dự toán là 2.626 tỷ đồng, tăng 12,7% so với năm 2021 chủ yếu tăng lương và kinh phí các đề án, chương trình, các chính sách, chế độ theo Nghị quyết của HĐND tỉnh. Cụ thể từng lĩnh vực chi như sau:

a) Dự toán chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo gần 681 tỷ đồng, trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục gần 534 tỷ đồng. Đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ cho giáo viên, học sinh theo quy định; kinh phí thực hiện các đề án của ngành giáo dục (chính sách cho học sinh, giáo viên trường Quốc học, đề án dạy và học môn ngoại ngữ; tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non; tăng cường năng lực phòng chống ma túy; đề án phát triển giáo dục...); kinh phí giáo dục quốc phòng, khen thưởng; tổ chức thi tốt nghiệp; kinh phí bồi dưỡng giáo viên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông; sửa chữa lớn trường lớp, mua sắm bàn ghế và trang thiết bị phục vụ dạy và học...

- Dự toán chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề 146 tỷ đồng. Chủ yếu do tăng kinh phí nhiệm vụ đào tạo theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên và đào tạo, huấn luyện vận động viên thi đấu các đội tuyển thể thao thành tích cao, các đội tuyển trẻ, đội năng khiếu và đảm bảo chế độ dinh dưỡng theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh. Đảm bảo kinh phí đào tạo liên quan đến lĩnh vực quản lý cho các sở, ngành. Tiếp tục giảm hỗ trợ từ ngân sách cho một số đơn vị có nguồn thu.

b) Dự toán chi sự nghiệp y tế là 756 tỷ đồng, gồm:

- Đảm bảo kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng 354,6 tỷ đồng, tăng 11% do tăng kinh phí BHYT cho các đối tượng bảo trợ xã hội; cựu chiến binh, thanh niên xung phong, đối tượng tham gia kháng chiến Lào, Campuchia gần 50 tỷ đồng (chuyển từ cấp huyện lên). Đảm bảo kinh phí bảo hiểm tự nguyện của các đối tượng 11,1 tỷ đồng; BHYT cho các đối tượng hộ cận nghèo gần 18 tỷ đồng (gồm ngân sách địa phương hỗ trợ 25% mệnh giá BHYT hộ cận nghèo 4,7 tỷ đồng); học sinh, sinh viên 40 tỷ đồng; trẻ dưới 6 tuổi 132 tỷ đồng; người nghèo, dân tộc thiểu số và người sinh sống vùng đặc biệt khó khăn... 103,6 tỷ đồng. Đề nghị giao UBND tỉnh điều chỉnh kinh phí giữa các đối tượng để đảm bảo phù hợp với thực tế biến động số đối tượng phát sinh (nếu có).

- Chi sự nghiệp y tế và dân số kế hoạch hóa gia đình gần 291 tỷ đồng, tăng 17% do tăng lương định kỳ, tăng hỗ trợ chi thường xuyên do giá dịch vụ y tế chưa kết cấu đủ chi phí tại đơn vị và hỗ trợ lương do nguồn thu giảm vì ảnh

hưởng của dịch Covid-19.

- Chi thực hiện phòng chống dịch Covid19 và một số nhiệm vụ khác là 40 tỷ đồng; chi các dự án xử lý nước thải ở một số bệnh viện góp phần giảm thiểu tình trạng ô nhiễm 70 tỷ đồng³. Giao UBND tỉnh phân bổ trên cơ sở tình hình thực hiện nhiệm vụ chi phòng chống dịch Covid-19 và các dự án sẽ được phê duyệt.

c) Dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ gần 42 tỷ đồng⁴, tăng 5,1%. Đảm bảo chi thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ; sự nghiệp chung toàn ngành.

d) Dự toán chi bảo đảm xã hội là 65,4 tỷ đồng, tăng 18%. Chủ yếu do tăng kinh phí thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ; kinh phí thực hiện các đề án giai đoạn 2021 – 2025 theo Chương trình, Nghị quyết của HĐND tỉnh như chương trình việc làm; đề án hỗ trợ người lao động đi làm việc nước ngoài; chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng; đề án trợ giúp người khuyết tật; chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; chương trình phát triển công tác xã hội; chương trình phòng chống mại dâm; đào tạo nghề cho người chấp hành xong án phạt tù; đề án nguồn nhân lực chất lượng cao... Đảm bảo kinh phí điều chỉnh thông tin trên bia mộ; kinh phí chăm sóc người có công cách mạng; kinh phí mua trang thiết bị phục hồi chức năng, dạy nghề, phục vụ sinh hoạt cho các đối tượng tại trung tâm; kinh phí điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; đảm bảo hoạt động bảo vệ chăm sóc trẻ em làng trẻ SOS; trợ giúp đột xuất các đối tượng bị ảnh hưởng thiên tai...Đảm bảo hỗ trợ thêm chi thường xuyên cho Trung tâm Bảo trợ xã hội (đơn vị sự nghiệp NSNN đảm bảo toàn bộ) là 700 triệu đồng do đặc thù quỹ lương của các hợp đồng theo Nghị định số 161/NĐ-CP của Chính phủ hiện nay rất lớn nên khi áp dụng định mức 100 triệu đồng/hợp đồng thì đơn vị chi đủ chi trả lương và không có nguồn đảm bảo hoạt động.

e) Dự toán chi sự nghiệp kinh tế:

Dự toán 338 tỷ đồng, tăng 24%, cụ thể như sau:

- Đảm bảo chi sự nghiệp nông lâm thủy lợi gần 105 tỷ đồng, tăng 13% chủ yếu do tăng kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng các công trình đã xuống cấp qua nhiều năm không đảm bảo điều kiện làm việc. Phân bổ đảm bảo thực hiện các chính sách như chính sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, chính sách phát triển đất trồng lúa; kinh phí khuyến công; khuyến nông lâm ngư; đảm bảo kinh phí quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng; trồng cây

³ Phần giảm chi tiền lương do đã kết cấu trong giá dịch vụ ngành y tế khoảng 204 tỷ đồng đã được sử dụng hỗ trợ lương cho các đơn vị do dự kiến nguồn thu không đảm bảo; chi thực hiện mua và hỗ trợ mua thẻ BHYT cho các đối tượng; hỗ trợ chi phòng chống dịch bệnh; phần còn lại cùng với nguồn ngân sách địa phương đảm bảo các nhiệm vụ trên.

⁴ Chi sự nghiệp khoa học công nghệ dự toán trung ương giao 35.9 tỷ đồng.

xanh; phát triển nguồn lợi thủy sản

- Chi sự nghiệp giao thông 45 tỷ đồng, tăng 15,8%. Đảm bảo kinh phí duy tu, sửa chữa các tuyến đường; chi phí vận hành hệ thống điện chiếu sáng và quản lý vận hành các hạng mục vỉa hè, thoát nước, cây xanh hoàn thành trên địa bàn Khu kinh tế Chân Mây Lăng Cô và Khu đô thị mới.

- Chi sự nghiệp công nghệ thông tin 48,3 tỷ đồng. Tăng kinh phí đầu tư hệ thống camera bảo đảm an toàn trong phòng chống dịch Covid19; thuê dịch vụ như chống mã độc, đường truyền, phần mềm; thực hiện đề án chuyển đổi số của các ngành; kinh phí thực hiện Dự án nâng cao năng lực hạ tầng thiết bị tại Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh. Đảm bảo kinh phí thực hiện đảm bảo bảo mật an ninh thông tin, thông tin tuyên truyền, kinh phí đảm bảo vận hành và hoạt động của Trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh.

- Chi sự nghiệp tài nguyên môi trường 22 tỷ đồng, tăng 23% chủ yếu do tăng kinh phí thực hiện các đề án theo Chương trình, Kế hoạch đã được duyệt của tỉnh. Đảm bảo kinh phí thực hiện các hoạt động cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; kinh phí thực hiện đề án thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển tỉnh; kinh phí xây dựng phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, kinh phí thẩm định giá đất...

- Chi đảm bảo trật tự an toàn giao thông: 52 tỷ đồng, tăng 5% do nguồn trung ương bổ sung tăng. Phân bổ theo quy định tại Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh về quy định một số nội dung chi, mức chi và mức phân bổ kinh phí đảm bảo trật tự ATGT trên địa bàn.

- Chi sự nghiệp quy hoạch: 25 tỷ đồng, tăng hơn 23 tỷ đồng so với năm 2021 do các dự án quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành chuyển từ bố trí vốn đầu tư công sang vốn sự nghiệp.

Đảm bảo kinh phí sự nghiệp khuyến công, xúc tiến đầu tư, du lịch; chi hỗ trợ phát triển sản xuất tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

g) Dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường là 8,7 tỷ đồng, tăng 9,7%. Đảm bảo kinh phí truyền thông về môi trường; kiểm tra, hậu kiểm đánh giá tác động môi trường; kinh phí thay thế thiết bị hằng năm và quan trắc môi trường...

h) Dự toán chi sự nghiệp văn hóa, thể thao:

- Dự toán chi sự nghiệp văn hóa 101 tỷ đồng, tăng 19%. Tăng kinh phí thực hiện một số đề án của ngành, kinh phí tổ chức Festival Huế năm 2022. Tiếp tục đảm bảo kinh phí mua sưu tập tranh cho Bảo tàng Mỹ thuật; kinh phí thực hiện tuyên truyền, triển lãm; quản lý di sản, bảo tàng; hoạt động thư viện; hoạt động sáng tác, biểu diễn...

- Sự nghiệp thể thao 35 tỷ đồng, tăng 21% chủ yếu do tăng chi tập luyện, thi đấu các giải đấu, tăng chế độ BHXH, BHYT, KPCĐ cho các vận động viên;

kinh phí đại hội thể dục thể thao; tăng chi đề án thể thao thành tích cao theo Nghị quyết 16/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

i) Dự toán chi quản lý hành chính 426 tỷ đồng được lập theo định mức chi thường xuyên như đã trình HĐND tỉnh tại kỳ họp này. Đảm bảo các khoản chi phục vụ đoàn ra, đoàn vào; bố trí chi tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo các nhiệm vụ cấp thiết.

k) Dự toán chi hỗ trợ cho một số đơn vị trung ương đóng trên địa bàn thực hiện một số nhiệm vụ tỉnh giao; Quỹ thi đua khen thưởng, hỗ trợ hộ nghèo vay và các đối tượng chính sách vay, Quỹ hỗ trợ nông dân.

2.2. Phân bổ số bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu:

Năm 2022 là năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025. Theo quy định của Luật NSNN năm 2015, xác định lại số bổ sung cân đối từ ngân sách cho ngân sách các huyện, tỷ lệ phân chia nguồn thu, nhiệm vụ chi, trong đó chi thường xuyên được xác định trên cơ sở định mức phân bổ chi thường xuyên giai đoạn 2022 - 2025.

2.2.1. Về dự toán thu NSNN trên địa bàn:

Phân bổ, giao thu ngân sách nhà nước cho các huyện căn cứ:

- Dự toán thu trung ương giao; kết quả thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách năm 2021, khả năng thực hiện 2022; căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của từng huyện.

- Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đối với các huyện theo quy định của các luật thuế, chế độ thu hiện hành.

Theo đó, dự toán thu NSNN trên địa bàn đối với các huyện là 1.818 tỷ đồng, bằng 88% so với dự toán thu năm 2021 và phần thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp là 1.498 tỷ đồng.

2.2.2. Dự toán chi ngân sách huyện năm 2022:

Dự toán chi ngân sách huyện là 5.577 tỷ đồng, tăng 11,5% so với dự toán năm 2021, cụ thể:

a) Dự toán bổ sung cân đối ngân sách các huyện:

Chi cân đối ngân sách huyện được xác định trên cơ sở phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền địa phương. Dự toán chi cân đối ngân sách huyện năm 2022 là 4.828 tỷ đồng, tăng 7% so với dự toán năm 2021, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 562 tỷ đồng, tăng 2%; gồm chi xây dựng cơ bản trong nước phân cấp cho thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy và thành phố

Huế là 103 tỷ đồng⁵; chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 459,5 tỷ đồng.

- Chi thường xuyên là: 4.166 tỷ đồng, tăng 4%.

- Chi dự phòng: 94,4 tỷ đồng, tăng 28%.

- Chi huy động, đóng góp 5 tỷ đồng.

Số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện là 3.329 tỷ đồng.

b) Dự toán bổ sung mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện: 749 tỷ đồng, gồm:

- Bổ sung mục tiêu vốn đầu tư: 164,4 tỷ đồng.

+ Bổ sung mục tiêu vốn xây dựng cơ bản theo tiêu chí gần 149 tỷ đồng theo Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025.

+ Bổ sung mục tiêu kinh phí hỗ trợ người nghèo về nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ 15,44 tỷ đồng.

- Bổ sung mục tiêu vốn sự nghiệp: gần 585 tỷ đồng.

Bổ sung mục tiêu cho ngân sách các huyện để thực hiện các chính sách như hỗ trợ địa phương sản xuất lúa, dịch vụ công ích thủy lợi; các chính sách, đề án theo Nghị quyết của HĐND tỉnh như chương trình phát triển du lịch cộng đồng, hỗ trợ đầu tư bảo quản tu bổ và phục hồi các di tích đã được xếp hạng, chính sách khuyến khích sản xuất nông nghiệp, chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã, chương trình toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ an ninh biên giới...; hỗ trợ chương trình phục vụ thay sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 6, lớp 7; kinh phí sửa chữa lớn trường, lớp phục vụ công tác dạy và học; hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy và học của ngành giáo dục huyện quản lý; nâng cấp, sửa chữa lớn trụ sở các cơ quan hành chính sự nghiệp; tăng ường cơ sở vật chất phục vụ công tác cải cách hành chính; hỗ trợ nạo vét, sửa chữa hệ thống thoát nước từ nguồn thu phí thoát nước; hỗ trợ chỉnh trang đô thị và điện chiếu sáng, trồng và chăm sóc cây xanh; nâng cấp hạ tầng giao thông; hỗ trợ chi chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ; kinh phí các nhiệm vụ khác (chỉnh lý tài liệu, lưu trữ; đề án nâng cao chất lượng giáo dục; triển khai các phần mềm đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số; Festival Huế, phòng cháy chữa cháy; tổ chức đại hội các tổ chức chính trị xã hội ...).

Dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022 của các ngành, các cấp như trình bày trên được tính theo mức lương cơ sở là 1.490.000đ/tháng.

⁵ Gồm thị xã Hương Trà 14 tỷ đồng, thị xã Hương Thủy 14 tỷ đồng và thành phố Huế 75 tỷ đồng

Dự toán chi ngân sách địa phương đã đảm bảo chi cho các nhiệm vụ cấp thiết, quan trọng; đối với một số nhiệm vụ có nhu cầu bổ sung kinh phí nhưng không lớn, các Ban, ngành, đơn vị, địa phương phải chủ động sắp xếp nguồn kinh phí để thực hiện trong dự toán chi năm 2022 được HĐND Tỉnh giao.

2.3. Dự toán chi dự phòng, chi Quỹ dự trữ tài chính, trả lãi vay:

- Dự toán dự phòng ngân sách địa phương năm 2022 là gần 208,2 tỷ đồng (cao hơn dự toán trung ương giao 183 tỷ đồng), trong đó dự phòng ngân sách tỉnh là 113,8 tỷ đồng, ngân sách huyện 94,4 tỷ đồng.

- Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính tỉnh: dự toán bố trí 1,18 tỷ đồng, bằng mức trung ương giao.

- Chi trả lãi vay các dự án vay từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ về cho vay lại là 10,89 tỷ đồng.

2.4. Dự toán chi chương trình mục tiêu sự nghiệp:

Chi chương trình mục tiêu sự nghiệp Chính phủ giao 44,2 tỷ đồng để thực hiện một số nhiệm vụ theo mục tiêu (theo biểu 12 đính kèm).

III. BỘI THU/BỘI CHI NGÂN SÁCH TỈNH

- Chi trả nợ gốc (Bội thu ngân sách): 15,6 tỷ đồng.

- Vay trong năm (Bội chi ngân sách): dự toán giao là 418,9 tỷ đồng (khoản vay từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại).

Ngân sách tỉnh bội chi là 403,3 tỷ đồng (= 418,9 tỷ đồng - 15,6 tỷ đồng).

Tóm lại, phương án phân bổ ngân sách năm 2022 như trình bày trên đạt được:

1. Đảm bảo phù hợp với dự toán được Chính phủ giao về tổng số thu, phân bổ dự toán chi ở một số lĩnh vực như chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp giáo dục- đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học công nghệ; bố trí đúng nguồn vốn cho các mục tiêu, nhiệm vụ đầu tư theo quy định của Trung ương.

2. Thúc đẩy đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; đổi mới ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính và phát triển các ngành.

3. Sử dụng nguồn ngân sách địa phương và ngân sách Trung ương bổ sung để thực hiện các chính sách an sinh xã hội, an ninh, quốc phòng; các hoạt động chủ yếu của lĩnh vực giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, y tế, văn hóa, môi trường, đảm bảo các chính sách, chế độ cho con người theo quy định...

4. Đảm bảo quản lý, bảo trì, sửa chữa đảm bảo an toàn công trình, vận hành thông suốt phục vụ phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ dân sinh, hỗ trợ phát triển sinh kế.

5. Dự toán chi ngân sách của từng đơn vị dự toán cấp tỉnh đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị và chuyên môn được giao trên cơ sở các chính sách, chế độ tài chính – ngân sách; đồng thời quán triệt yêu cầu tiết kiệm, bố trí tập trung thực hiện những nhiệm vụ quan trọng của từng ngành; đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ mới phát sinh. Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu yêu cầu các đơn vị sử dụng một phần nguồn thu để thực hiện nhiệm vụ được giao, chi thường xuyên, giảm dần sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước đối với các đơn vị này.

IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN HĐND TỈNH TRONG QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Về dự toán ghi thu, ghi chi:

Căn cứ quy định của Luật NSNN, các khoản ghi thu, ghi chi cần phải được lập dự toán ngay từ đầu năm. Tuy nhiên, trong quá trình điều hành ngân sách, UBND tỉnh nhận thấy thực tế khó có thể xây dựng dự toán ngay từ đầu năm khoản ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất ứng với tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng mà nhà đầu tư đã ứng trước và ghi thu, ghi chi một số khoản viện trợ trong năm.

Do đó, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh: trong năm, trường hợp phát sinh khoản ghi thu ghi chi nói trên, UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh quyết định và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại Điều 52 Luật NSNN năm 2015.

2. Về dự toán một số nhiệm vụ chi đã được HĐND tỉnh quyết định nhưng chưa đủ cơ sở pháp lý để phân bổ chi tiết ngay từ đầu năm:

Đề nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết theo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ như kinh phí quy hoạch; kinh phí ISO; kinh phí đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ; vốn hỗ trợ phát triển sản xuất tái cơ cấu ngành nông nghiệp; kinh phí đảm bảo đề án chuyển đổi số của các ngành; sự nghiệp Y tế và một số nhiệm vụ chi trung ương bổ sung theo mục tiêu, nhiệm vụ (theo chính sách, chế độ và phòng, chống dịch) do chưa đủ cơ sở phân bổ chi tiết ngay từ đầu năm. Cuối năm tổng hợp báo cáo HĐND tỉnh.

3. Về dự toán tiết kiệm chi thường xuyên tạo nguồn cải cách tiền lương:

Đề nghị HĐND tỉnh tiếp tục giao UBND tỉnh lập phương án tiết kiệm chi thường xuyên NSNN để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo đúng quy định.

Sau khi dự toán NSNN, phương án phân bổ ngân sách tỉnh năm 2022 được HĐND Tỉnh quyết định, UBND tỉnh sẽ giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện triển khai việc phân bổ dự toán NSNN kịp thời trước 31/12/2021 theo đúng qui định của Luật NSNN; đồng thời, triển khai các biện pháp điều hành, tổ chức thực hiện tích cực, chủ động triển

khai tốt các nhiệm vụ thu ngân sách được giao, sử dụng ngân sách hợp lý, nâng cao hiệu quả và đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện đầy đủ các biện pháp tạo nguồn cải cách tiền lương; tăng cường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, công khai tài chính – ngân sách; đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022 THEO DỰ TOÁN GIAO

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm			So sánh
		2021	Ước thực hiện năm 2021	2022	
A	B	1	2	3	4=3/1
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	6.065.190	10.206.000	6.861.300	113,1
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	5.597.190	9.540.000	6.390.300	114,2
2	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	455.000	550.000	460.000	101,1
3	Thu viện trợ, huy động đóng góp	13.000	116.000	11.000	84,6
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.447.051	13.356.148	11.515.029	110,2
1	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp (gồm thu để lại chi)	5.095.290	9.096.541	5.959.700	117,0
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.206.761	4.259.607	5.405.329	103,8
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	1.567.730	1.567.730	3.202.724	204,3
-	Thu bổ sung có mục tiêu	3.639.031	2.691.877	2.202.605	60,5
3	Thu kết dư	145.000	145.000	150.000	103,4
C	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.679.351	11.130.511	11.918.329	111,6
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	10.525.450	10.976.610	11.863.059	112,7
1	Chi đầu tư phát triển	3.613.207	3.939.093	4.266.055	118,1
2	Chi thường xuyên	6.696.776	7.031.337	7.376.968	110,2
3	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	26.523	0	0	0,0

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh
A	B	1	2	3	4=3/1
4	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	10.689	5.000	10.689	100,0
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	1.180	1.180	100,0
6	Dự phòng ngân sách	177.075	0	208.167	117,6
II	Chi chương trình chương trình mục tiêu sự nghiệp	140.901	140.901	44.270	31,4
III	Chi viện trợ, huy động đóng góp	13.000	13.000	11.000	84,6
D	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (=E-F)	232.300	157.227	403.300	173,6
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	239.600	164.527	418.900	174,8
1	Vay trong nước	0	0	0	
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	239.600	164.527	418.900	174,8
F	TRẢ NỢ GỐC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	7.300	7.300	15.600	213,7
1	Từ nguồn vay mới để trả nợ gốc	0	0	0	
2	Bội thu ngân sách địa phương	7.300	7.300	15.600	213,7
3	Tăng thu, tiết kiệm chi	0	0	0	
4	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	0	0	0	

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH, HUYỆN NĂM 2022

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		So sánh
		năm 2021	năm 2022	
A	B	1	2	3=2/1
A	NGÂN SÁCH TỈNH	8.812,861	10.017,029	113,7
I	Nguồn thu ngân sách cấp tỉnh	3.461,100	4.461,700	128,9
I	Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp	3.461,100	4.461,700	128,9
2	Thu kết dư	145,000		
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		150,000	
4	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.206,761	5.405,329	103,8
-	Thu bổ sung cần đổi ngân sách	1.567,730	3.202,724	204,3
-	Thu bổ sung có mục tiêu	3.639,031	2.202,605	60,5
II	Chi ngân sách cấp tỉnh	9.045,161	10.420,329	115,2
I	Chi thuộc nhiệm vụ ngân sách cấp tỉnh theo phân cấp (không kể bổ sung cho ngân sách cấp dưới, bội chi ngân sách)	5.680,351	6.341,329	111,6
2	Bổ sung cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố Huế	3.364,810	4.079,000	121,2
-	- Bổ sung cần đổi	2.063,276	3.329,769	161,4
-	- Bổ sung mục tiêu	1.301,534	749,231	57,6
III	Bội chi	232,300	403,300	173,6
IV	Bội thu ngân sách địa phương	0	0	
B	NGÂN SÁCH HUYỆN	4.999,000	5.577,000	111,6
I	Thu ngân sách huyện, thị xã, thành phố Huế	1.634,190	1.498,000	91,7
I	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	1.634,190	1.498,000	91,7
1	- Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%			
2	Thu kết dư		1.498,000	91,7
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		4.079,000	121,2
4	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.364,810	4.079,000	161,4
-	Thu bổ sung cần đổi ngân sách	2.063,276	3.329,769	161,4
-	Thu bổ sung có mục tiêu	1.301,534	749,231	57,6
II	Chi ngân sách huyện, thị xã, thành phố Huế	4.999,000	5.577,000	111,6

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022							So sánh	
	DTDP	U' TH	TW giao	HĐND tỉnh giao	Trong đó			DTDP 2022 /DTDP 2021	DTDP 2022 /U' TH 2021
					NSTW hưởng	NS tỉnh hưởng	NS huyện hưởng		
	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8=4/1	9=4/2
A. TỔNG CÁC KHOẢN THU NSNN (I + II + III)	6.065.190	10.206.000	6.850.000	6.861.300	901.600	4.461.700	1.498.000	113,1	67,2
I- THU NỘI ĐỊA	5.597.190	9.540.000	6.390.000	6.390.300	441.600	4.455.700	1.493.000	114,2	67,0
Thu nội địa không gồm tiền sử dụng đất, thu xổ số, thu phí tham quan di tích	4.727.190	6.565.000	5.120.000	5.120.300	441.600	3.645.200	1.033.500	108,3	78,0
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	142.000	210.000	164.000	164.000		164.000		115,5	78,1
2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	173.000	190.000	185.000	185.000		177.800	7.200	106,9	97,4
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.930.000	2.800.000	2.106.000	2.106.000		2.106.000		109,1	75,2
4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	920.000	1.350.000	1.000.000	1.000.000		502.000	498.000	108,7	74,1
5. Thuế bảo vệ môi trường	640.000	660.000	630.000	630.000	327.600	302.400		98,4	95,5
<i>Trong đó: Thuế xuất nhập khẩu xăng dầu cơ quan Hải quan quản lý</i>	<i>401.900</i>	<i>414.459</i>	<i>327.600</i>	<i>327.600</i>	<i>327.600</i>			<i>81,5</i>	<i>79,0</i>
6. Thuế thu nhập cá nhân	220.000	420.000	290.000	290.000		153.700	136.300	131,8	69,0
7. Lệ phí trước bạ	210.000	320.000	260.000	260.000			260.000	123,8	81,3
8. Thu phí, lệ phí	161.000	160.000	139.000	139.000	50.000	58.300	30.700	86,3	86,9

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022							So sánh	
	DTĐP	ƯTH	TW giao	HĐND tỉnh giao	Trong đó			DTĐP 2022 /DTĐP 2021	DTĐP 2022 /ƯTH 2021
					NSTW hưởng	NS tỉnh hưởng	NS huyện hưởng		
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8=4/1	9=4/2	
- Phí, lệ phí cơ quan Trung ương thực hiện thu	40.000	50.000	50.000	50.000			125,0	100,0	
- Phí, lệ phí cơ quan địa phương thực hiện thu	121.000	110.000	89.000	89.000	58.300	30.700	73,6	80,9	
- Phí tham quan di tích	0	0	0	0					
9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	13.190	14.000	14.000	14.000		14.000	106,1	100,0	
10. Tiền sử dụng đất	800.000	2.900.000	1.200.000	1.200.000	740.500	459.500	150,0	41,4	
11. Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	105.000	113.000	105.000	105.000	82.000	23.000	100,0	92,9	
12. Tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	0	2.000	2.000	2.000	1.000	1.000		100,0	
13. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	29.000	85.000	45.000	45.000	24.000		155,2	52,9	
- Phần ngân sách trung ương hưởng	23.000	35.000	21.000	21.000	21.000		91,3	60,0	
- Phần ngân sách địa phương hưởng	6.000	50.000	24.000	24.000	24.000		400,0	48,0	
14. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	70.000	75.000	70.000	70.000	70.000		100,0	93,3	
15. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	24.000	22.000	22.000	22.300		22.300	92,9	101,4	
16. Thu khác ngân sách	120.000	160.000	138.000	138.000	54.000	41.000	115,0	86,3	
<i>Trong đó: + Thu khác ngân sách trung ương</i>	50.000	60.000	43.000	43.000		43.000	86,0	71,7	

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022										So sánh	
	DTĐP	UTH	TW giao	HBND tỉnh giao	Trong đó			NSTW hưởng	NS tỉnh hưởng	NS huyện hưởng	DTĐP 2022 /DTĐP 2021	DTĐP 2022 /UTH 2021
					1	2	3					
	1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8=4/1	9=4/2			
17. Thu cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận còn lại	40.000	59.000	20.000	20.000		20.000		50,0	33,9			
II- THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU	455.000	550.000	460.000	460.000	460.000			101,1	83,6			
Thuế xuất khẩu	40.300		25.000	25.000	25.000			62,0				
Thuế nhập khẩu	14.200		63.640	63.640	63.640			448,2				
Thuế giá trị gia tăng	500.000		371.160	371.160	371.160			74,2				
Thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu			200	200	200							
III - THU VIỆN TRỢ, HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP	13.000	116.000	0	11.000	0	6.000	5.000	84,6	9,5			
B. TỔNG THU NSĐP HUỖNG	10.447.051	14.461.552	11.353.729	11.515.029	11.515.029	10.017.029	1.498.000	324	79,6			
<i>Trong đó:</i>												
1/ Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%	5.095.290	9.096.541	5.948.400	5.959.700	5.948.400	4.461.700	1.498.000	117,0	65,5			
<i>Trong đó: + Thu nội địa</i>	5.082.290	8.980.541	5.948.400	5.948.700	5.948.400	4.455.700	1.493.000	117,0	66,2			
+ Thu nội địa không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu phí tham quan di tích	4.212.290	6.005.541	4.678.400	4.678.700	4.678.400	3.645.200	1.033.500	111,1	77,9			
+ Thu viện trợ, huy động đóng góp	13.000	116.000	0	11.000	0	6.000	5.000	84,6	9,5			
2/ Thu bổ sung từ NSTW	5.206.761	5.220.011	5.405.329	5.405.329	5.405.329	5.405.329	103,8	103,6				

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022							So sánh	
	DTĐP	ƯTH	TW giao	HĐND tính giao	Trong đó			DTĐP 2022 /DTĐP 2021	DTĐP 2022 /ƯTH 2021
					NSTW hưởng	NS tỉnh hưởng	NS huyện hưởng		
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8=4/1	9=4/2	
+ Bổ sung cân đối ngân sách	1.567.730	1.567.730	3.202.724	3.202.724			204,3	204,3	
+ Bổ sung chênh lệch lịch tiền lương lên mức lương cơ sở 1.490.000 đồng	960.404	960.404	0	0		0	0,0	0,0	
+ Bổ sung có mục tiêu	2.678.627	2.691.877	2.202.605	2.202.605		2.202.605	82,2	81,8	
Vốn sự nghiệp	643.140	656.390	85.270	85.270		85.270	13,3	13,0	
Vốn xây dựng cơ bản	2.035.487	2.035.487	2.117.335	2.117.335	0	2.117.335	104,0	104,0	
+ trong đó: vốn ngoài nước	622.588	622.588	617.335	617.335		617.335	99,2	99,2	
vốn trong nước	1.412.899	1.412.899	1.500.000	1.500.000		1.500.000	106,2	106,2	
3. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	145.000	145.000		150.000		150.000	103,4	103,4	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán địa phương năm 2021	Trong đó		Dự toán 2022 Chính phủ giao	Dự toán năm 2022 địa phương			DT 2022/DTDP 2021
			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
A	B	1=2+3	2	3	4	5=6+7	6	7	8=5/1
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.679.351	5.680.351	4.999.000	11.757.029	11.918.329	6.341.329	5.577.000	111,6
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.525.450	5.531.450	4.994.000	11.671.759	11.863.059	6.291.059	5.572.000	112,7
1	Chi đầu tư phát triển	3.613.207	3.060.207	553.000	4.266.055	4.266.055	3.539.147	726.908	118,1
1	Vốn đầu tư XDCB vốn trong nước (1)	475.420	372.420	103.000	475.420	459.820	192.412	267.408	96,7
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	792.700	342.700	450.000	1.200.000	1.200.000	740.500	459.500	151,4
	Trong đó:								
a	Chi đầu tư	707.700	257.700	450.000		1.085.000	625.500	459.500	153,3
b	Chi đo đạc bản đồ địa chính theo NQHĐND tỉnh(2)	31.000	31.000			30.000	30.000		96,8
c	Chi đầu tư nâng cấp hạ tầng giao thông (3)	54.000	54.000			85.000	85.000		157,4
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	70.000	70.000		70.000	70.000	70.000		100,0
4	Chi đầu tư từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu	2.035.487	2.035.487		2.117.335	2.117.335	2.117.335		104,0
a	Vốn ngoài nước	622.588	622.588		617.335	617.335	617.335		99,2
b	Vốn trong nước	1.412.899	1.412.899		1.500.000	1.500.000	1.500.000		106,2
5	Chi đầu tư từ nguồn vốn vay Chính phủ về cho vay lại (4)	239.600	239.600		403.300	418.900	418.900		174,8
II	Chi thường xuyên (5)	6.696.776	2.330.476	4.366.300	7.221.502	7.376.968	2.626.276	4.750.692	110,2

STT	Nội dung	Dự toán địa phương năm 2021		Trong đó		Dự toán 2022 Chính phủ giao	Dự toán năm 2022 địa phương			DT 2022/ DTĐP 2021
		1=2+3	2	3	4		Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
A	B									8=5/1
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.966.585	663.785	2.302.800	3.016.034	3.016.034	680.773	2.517.488	3.198.261	107,8
2	Chi y tế, dân số và gia đình	624.068	621.068	3.000			756.511	4.230	760.741	121,9
3	Chi khoa học và công nghệ	41.733	39.733	2.000	35.865	35.865	41.776	3.240	45.016	107,9
4	Chi văn hóa thông tin	101.614	84.814	16.800			100.821	20.824	121.645	119,7
5	Chi phát thanh, truyền hình	27.523	14.723	12.800			15.574	13.180	28.754	104,5
6	Chi thể dục thể thao	32.966	28.866	4.100			34.750	4.816	39.566	120,0
7	Chi bảo đảm xã hội	437.318	55.318	382.000			65.386	400.289	465.675	106,5
8	Chi các sự nghiệp kinh tế	689.676	270.776	418.900			337.880	465.523	803.403	116,5
	- Sự nghiệp nông lâm thủy lợi		93.243				104.711		104.711	
	- Sự nghiệp giao thông		39.150				44.639		44.639	
	- Sự nghiệp công nghệ thông tin		28.380				48.343		48.343	
	- Sự nghiệp công nghiệp và thương mại		8.054				8.476		8.476	
	- Sự nghiệp tài nguyên môi trường		17.762				21.903		21.903	
	- Sự nghiệp du lịch		11.539				11.375		11.375	
	- Sự nghiệp xúc tiến đầu tư		5.679				9.187		9.187	

STT	Nội dung	Dự toán địa phương năm 2021	Trong đó		Dự toán 2022 Chính phủ giao	Dự toán năm 2022 địa phương			DT 2022/DTDP 2021
			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
A	B	1=2+3	2	3	4	5=6+7	6	7	8=5/1
	- Sự nghiệp kinh tế khác		15.405			12.247	12.247		
	- Chi quy hoạch		2.000			25.000	25.000		
	- Chi đảm bảo an toàn giao thông		49.564			52.000	52.000		
9	Chi sự nghiệp môi trường	224.016	7.916	216.100	0	227.980	8.680	219.300	101,8
10	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	1.313.018	402.118	910.900		1.426.254	426.625	999.629	108,6
11	Chi sự nghiệp khác	42.652	28.752	13.900	0	47.842	31.822	16.020	112,2
	+ Chi khác ngân sách	27.652	13.752	13.900		30.842	14.822	16.020	111,5
	+ Chi hỗ trợ hộ nghèo và các đối tượng chính sách vay	15.000	15.000			17.000	17.000		113,3
III	Chi trả nợ lãi, phí do chính quyền địa phương vay	10.689	10.689		0	10.689	10.689		100,0
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	1.180		1.180	1.180	1.180		100,0
V	Dự phòng ngân sách	177.075	102.375	74.700	183.022	208.167	113.767	94.400	117,6
VI	Chi cải cách tiền lương	26.523	26.523			0	0		
B	CHI TỪ NGUỒN VIỆN TRỢ, HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP	13.000	8.000	5.000		11.000	6.000	5.000	84,6
C	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	140.901	180.465	0	85.270	44.270	44.270	0	31,4
	Chi mục tiêu sự nghiệp (6)	140.901	180.465		85.270	44.270	44.270		31,4
	BỘI CHI	232.300	232.300		403.300	403.300	403.300		173,6

STT	Nội dung	Dự toán địa phương năm 2021		Trong đó		Dự toán 2022 Chính phủ giao	Dự toán năm 2022 địa phương			DT 2022/ DTDP 2021
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
A	B	1=2+3	2	3	4	5=6+7	6	7	8=5/1	

- Ghi chú:** (1) Chi xây dựng cơ bản trong nước ngân sách huyện đã bao gồm chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh theo Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh về về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.
- (2) Bao gồm kinh phí thực hiện đề án thiết kế kỹ thuật - dự toán hoàn thiện bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp sau khi sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính trên địa bàn" theo NQ 834/NQ-UBTVQH ngày 17/12/2019 (đo đặc cấm mốc, lập bản đồ, chỉnh lý bổ sung hồ sơ địa giới hành chính...) 5.000trđ.
- (3) Chi đầu tư nâng cấp đường giao thông bao gồm chi hỗ trợ nâng cấp đường thành phố Huế mở rộng 9 tỷ đồng và một số huyện thường xuyên ngập lụt như Phú Vang 7 tỷ đồng và Quảng Điền 7 tỷ đồng
- (4) Dự toán Chính Phủ giao bằng mức vay trừ đi chi trả nợ. Dự toán địa phương giao bằng số nợ vay do chi trả nợ đã sử dụng nguồn vốn xây dựng cơ bản trong nước.
- (5) Chi thường xuyên năm 2021 có điều chỉnh giữa các sự nghiệp nhưng không làm không thay đổi tổng chi và nội dung chi để phù hợp với việc thực tế hạch toán chi theo mục lục ngân sách nhà nước quy định.
- (6) Vốn sự nghiệp năm 2022 trung ương giao 85,270 tỷ đồng, đã đưa vào cân đối 41 tỷ đồng, còn 44,27 tỷ đồng theo biểu 12 đính kèm

DỰ TOÀN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	6.341.329
1	Chi đầu tư phát triển	3.539.147
1	Vốn đầu tư XD CB vốn trong nước (1)	192.412
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	740.500
	Trong đó:	
a	Chi đầu tư	625.500
b	Chi do đặc ban đồ địa chính theo NGHND tỉnh(2)	30.000
c	Chi đầu tư nâng cấp hạ tầng giao thông (3)	85.000
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	70.000
4	Chi đầu tư từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu	2.117.335
a	Vốn ngoài nước	617.335
b	Vốn trong nước	1.500.000
5	Chi đầu tư từ nguồn vốn vay Chính phủ về cho vay lại (4)	418.900
II	Chi thường xuyên (5)	2.626.276
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	680.773
2	Chi y tế, dân số và gia đình	756.511
3	Chi khoa học và công nghệ	41.776
4	Chi văn hóa thông tin	100.821
5	Chi phát thanh, truyền hình	15.574

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022
6	Chi thể dục thể thao	34.750
7	Chi bảo đảm xã hội	65.386
8	Chi các sự nghiệp kinh tế	337.880
	- Sự nghiệp nông lâm thủy lợi	104.711
	- Sự nghiệp giao thông	44.639
	- Sự nghiệp công nghệ thông tin	48.343
	- Sự nghiệp công nghiệp và thương mại	8.476
	- Sự nghiệp tái nguyên môi trường	21.903
	- Sự nghiệp du lịch	11.375
	- Sự nghiệp xúc tiến đầu tư	9.187
	- Sự nghiệp kinh tế khác	12.247
	- Chi quy hoạch	25.000
	- Chi đảm bảo an toàn giao thông	52.000
9	Chi sự nghiệp môi trường	8.680
10	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	426.625
11	Chi sự nghiệp khác	31.822
	+ Chi khác ngân sách	14.822
	+ Chi hỗ trợ hộ nghèo và các đối tượng chính sách vay	17.000
III	Chi trả nợ lãi, phí do chính quyền địa phương vay	10.689
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180
V	Dự phòng ngân sách	113.767
B	CHI TỪ NGUỒN VIÊN TRỢ, HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP	6.000

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022
C	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỨC TIÊU Chi mục tiêu sự nghiệp (6)	44.270 44.270 403.300
	BỘI CHI	

từ ngân sách tỉnh theo Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

(2) Bao gồm kinh phí thực hiện đề án thiết kế kỹ thuật - dự toán hoàn thiện bộ hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp sau khi sắp xếp, điều chỉnh địa giới hành chính trên địa bàn" theo NQ 834/NQ-UBTVQH ngày 17/12/2019 (đo đạc cắm mốc, lập bản đồ, chỉnh lý bổ sung hồ sơ địa giới hành chính....) 5.000trđ.

(3) Chi đầu tư nâng cấp đường giao thông bao gồm chi hỗ trợ nâng cấp đường giao thông thành phố Huế mở rộng 9 tỷ đồng và một số huyện thường xuyên gặp lụt như Phú Vang 7 tỷ đồng và Quảng Điền 7 tỷ đồng

(4) Dự toán Chính Phủ giao bằng mức vay từ di chi trả nợ. Dự toán địa phương giao bằng số nợ vay do chi trả nợ đã sử dụng nguồn vốn xây dựng cơ bản trong nước.

**DỰ TOÀN CHI ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
CHO TỔNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2022**

BVT: triệu đồng

Số TT	Danh mục	Kế hoạch năm 2022	Chủ đầu tư
A	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	1.348.876	
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	226.180	
"	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022	86.880	
1	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (JICA 2)	600	Ban QL các dự án lâm nghiệp
2	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện lại tỉnh Thừa Thiên Huế	4.300	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Dự án đầu tư rừng mua nhiệt đới	500	Công ty TNHH NN MTV Lâm nghiệp Tiên phong
4	Trung tâm Y tế huyện Nam Đông	4.900	Ban QLDA BTXD khu vực huyện Nam Đông
5	Nâng cấp mở rộng kết hợp vệt gia cố bờ hói Hàng Tông.	4.800	Ban QLDA BTXD công trình NN và PTNT tỉnh TTH
6	Nào vệt và xây dựng Kê hói Đốc Sơ-An Hòa	8.000	Ban QLDA BTXD khu vực thành phố Huế
7	Sửa chữa, nâng cấp hồ Thọ Sơn, xã Hương Xuân	6.000	Ban QLDA BTXD công trình NN và PTNT tỉnh TTH
8	Sửa chữa, nâng cấp đập La Y, huyện Phú Vang	25.000	Ban QLDA BTXD công trình NN và PTNT tỉnh TTH
9	Nâng cấp các công trình thủy lợi huyện A Lưới	12.000	Công ty TNHH NN MTV QL khai thác công trình thủy lợi TTH
10	Sửa chữa, nâng cấp đập Khe Mang, thị trấn Phong Điền	3.880	Ban QLDA BTXD khu vực huyện Phong Điền
11	Nâng cấp sửa chữa các công trình trạm bơm chống hạn Tây Nam Hương Trà, thị xã Hương Trà	3.400	Công ty TNHH NN MTV QL khai thác công trình thủy lợi TTH
12	Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các công đồng để bị tổn thương ven biển do Quy hoạch khi hậu xanh viện trợ không hoàn lại thông qua Chương trình Phát triển LHQ	500	Ban QLDA Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các công đồng để bị tổn thương ven biển do Quy hoạch Liên hiệp quốc
13	Nâng cấp, sửa chữa trạm bơm Phong Sơn, Đông Vinh, Chông-Bình, Vinh Phú thuộc huyện Quảng Điền, Phong Điền	13.000	Công ty TNHH NN MTV QL khai thác công trình thủy lợi TTH
b	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022	139.300	
1	Cấp nước nông thôn giai đoạn 2016-2020 tỉnh TTH	3.000	Công ty CP cấp nước TTH
-	Đầu tư xây dựng Nhà máy nước sạch Thuận Long cs 2.000m ³ /ngày và mạng lưới tuyến ống D50-225 cấp nước xã Thuận Long, Thuận Quảng, Hương Giang	3.000	Công ty CP cấp nước TTH
2	Dự án đầu tư Bao vệ và Phát triển rừng vùng ven biển và đầm phá tỉnh Thừa Thiên Huế	4.800	Chi cục kiểm lâm tỉnh TTH
3	Dự án hiện đại hóa ngân hàng Lâm nghiệp và tăng cường tính công cộng chi vùng ven biển (FMCR)	8.500	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
4	Hệ thống tiêu thoát lũ Phố Lọt - Mọc Hân - Phú Khê	65.000	Ban QLDA BTXD công trình NN và PTNT tỉnh TTH
5	Nâng cấp hệ thống đê sông Thiệu Hóa	35.000	Ban QLDA BTXD công trình NN và PTNT tỉnh TTH
6	Hệ thống thoát lũ Hới Ngã Tư, huyện Quảng Điền	18.000	Ban QLDA BTXD khu vực huyện Quảng Điền
7	Đê bờ hữu sông Đát Giang đoạn qua xã Thủy Tân, thị xã Hương Thủy	5.000	Chi cục thủy lợi tỉnh TTH
II	Giao thông	917.249	
"	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021	1.500	
1	Đường Đào Tân nối dài (đoạn từ đường Phan Bội Châu đến đường Điện Biên Phủ)	1.500	Ban QLDA BTXD công trình giao thông tỉnh TTH
b	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022	193.749	
1	Đường mặt cắt 36m, nối từ đường Nguyễn Lộ Trạch đến đường ra sông Phát Lát nơi dài	14.600	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH
2	Mở rộng Đường tỉnh 9 qua thị trấn Phong Điền đoàn từ QL1A đi Nhà máy xi măng Đông Lâm	1.380	Ban QLDA BTXD khu vực huyện Phong Điền
3	Đường 19/5 (đoạn từ QL1A đến cầu Ông Ân), thị xã Hương Trà	5.400	Ban QLDA BTXD khu vực thị xã Hương Trà
4	Nâng cấp mở rộng đường từ Tú Hà đến trung tâm phường Hương Vạn (đoạn từ đường Trần Hữu Đò đến đường Trần Trung Lập), thị xã Hương Trà.	4.000	Ban QLDA BTXD khu vực thị xã Hương Trà
5	Đường Phú Mỹ - Thuận An, huyện Phú Vang	90.114	Ban QLDA BTXD công trình giao thông tỉnh TTH

Số TT	Đánh mục	Kế hoạch năm 2022	Chi đầu tư
1	Dự án Cầu bắc qua sông Lọt Nong (mỗi từ đường 26m khu nhà ở An Đông sang đường 100 khu A, Khu đô thị mới An Vân Dương)	26.800	Ban QL, Khu vực PT đô thị tỉnh THH
2	Nâng cấp, mở rộng đường Phường Quán, thị xã Hương Thủy	3.455	Ban QL, DA DTXD Khu vực thị xã Hương Thủy
3	Dường vào nhà máy chế biến cá, bột thạch anh từ sắt chất lượng cao huyện Phong Điền	6.000	Ban QL, DA DTXD công trình giao thông tỉnh THH
4	Cầu đường bộ Bạch Hò qua sông Hương	7.000	Ban QL, Khu vực PT đô thị tỉnh THH
5	Dường (hố Mai - Tân Mỹ, huyện Phú Vang	35.000	Ban QL, Khu vực PT đô thị tỉnh THH
6	Tuyến đường bộ ven biển đoàn qua tỉnh Thừa Thiên Huế và cầu qua cửa Thuận An	500.000	Ban QL, DA DTXD công trình giao thông tỉnh THH
7	Dường phía Tây phá Tam Giang - Cầu Hai (đoàn Phú Mỹ-Phú Đa)	30.000	Ban QL, DA DTXD công trình giao thông tỉnh THH
8	Dường cứu hộ cứu nạn thị trấn Phong Điền - Điện Lộc	94.000	Ban QL, DA DTXD công trình giao thông tỉnh THH
9	Dường trục chính khu trung tâm xã Phong An, huyện Phong Điền	35.000	Ban QL, DA DTXD Khu vực huyện Phong Điền
10	Nâng cấp, mở rộng đường Ha Công, thị xã Hương Trà	8.000	Ban QL, DA DTXD Khu vực thị xã Hương Trà
11	Hệ thống điện chiếu sáng QL1 đoạn qua huyện Phú Lộc	15.000	Ban QL, DA DTXD Khu vực huyện Phú Lộc
12	Trình trang via hè, cây xanh trung tâm huyện A Lưới	10.000	Ban QL, DA DTXD Khu vực huyện A Lưới
13	Trình trang via hè, cây xanh trung tâm huyện Nam Đông	10.000	Ban QL, DA DTXD Khu vực huyện Nam Đông
14	Via hè Quốc lộ 1A đoạn qua thị xã Hương Thủy	10.000	Ban QL, DA DTXD Khu vực thị xã Hương Thủy
15	Dường giao thông vành đai phía đông xã Lộc Sơn (GD2)	10.000	Ban QL, DA DTXD Khu vực huyện Phú Lộc
16	Khu công nghiệp và khu kinh tế	94.467	
17	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021	800	
18	Dường trục chính trong KCN Phong Điền vào khu chức năng chế biến cá	800	Ban QL, Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh THH
19	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022	32.067	Ban QL, Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh THH
20	Dường phía Đông đèo Lập An	32.067	Ban QL, Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh THH
21	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022	61.600	Ban QL, Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh THH
22	Dường trục chính Khu đô thị (hạn Mây	11.600	Ban QL, Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh THH
23	Dường nội khu phi thuế quan với khu cảng (hạn Mây	50.000	Ban QL, Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh THH
24	Du lịch	10.000	
25	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mĩ Công mở rộng-giải đoàn 2, dự án thành phần tỉnh THH	10.000	Ban QL, DA DTXD Công trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh)
26	Công nghệ thông tin	1.980	
27	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022	460	Sơ Kế hoạch và Dân tư
28	Hệ giải đoạn 2018-2020	460	
29	Nâng cấp hệ thống thông tin doanh nghiệp	200	Sơ Kế hoạch và Dân tư
30	Xây dựng hệ thống quản trị Du lịch thông minh	260	Sơ Du lịch
31	Dự án Hoàn thiện Công trình quyền điện từ tỉnh Thừa Thiên Huế	420	Tạm phòng (BND) tỉnh
32	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022	1.100	Sơ Kế hoạch và Đầu tư
33	Xây dựng hệ thống dự phòng nông hạ tầng dùng chung tỉnh	1.100	
34	Dự án khởi công mới năm 2022	89.000	
35	Thừa Thiên Huế	8.000	Ban QL, Khu vực PT đô thị tỉnh THH
36	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư TĐC2 - đô thị mới An Vân Dương	1.000	Ban QL, Khu vực PT đô thị tỉnh THH
37	Hạ tầng khu TĐ5 thuộc khu B - An Vân Dương (bao gồm tuyến đường 36m nội từ đường 100m Khu B vào Khu TĐ5)	1.000	Ban QL, Khu vực PT đô thị tỉnh THH
38	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022	80.000	
39	Dự án "Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh)-tiền dự án Thừa Thiên Huế	50.000	Ban QL, DA DTXD Công trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh)

Số TT	Đánh mục	Kế hoạch năm 2022	Chi đầu tư
1	Dự án Cầu bắc qua sông Lọt Nong (mỗi từ đường 26m khu nhà ở An Đông sang đường 100 khu A, Khu đô thị mới An Vân Dương)	26.800	Ban QL, Khu vực PT đô thị tỉnh THH
2	Nâng cấp, mở rộng đường Phường Quán, thị xã Hương Thủy	3.455	Ban QL, DA DTXD Khu vực thị xã Hương Thủy
3	Dường vào nhà máy chế biến cá, bột thạch anh từ sắt chất lượng cao huyện Phong Điền	6.000	Ban QL, DA DTXD công trình giao thông tỉnh THH
4	Cầu đường bộ Bạch Hò qua sông Hương	7.000	Ban QL, Khu vực PT đô thị tỉnh THH
5	Dường (hố Mai - Tân Mỹ, huyện Phú Vang	35.000	Ban QL, Khu vực PT đô thị tỉnh THH
6	Tuyến đường bộ ven biển đoàn qua tỉnh Thừa Thiên Huế và cầu qua cửa Thuận An	500.000	Ban QL, DA DTXD công trình giao thông tỉnh THH
7	Dường phía Tây phá Tam Giang - Cầu Hai (đoàn Phú Mỹ-Phú Đa)	30.000	Ban QL, DA DTXD công trình giao thông tỉnh THH
8	Dường cứu hộ cứu nạn thị trấn Phong Điền - Điện Lộc	94.000	Ban QL, DA DTXD Khu vực huyện Phong Điền
9	Dường trục chính khu trung tâm xã Phong An, huyện Phong Điền	35.000	Ban QL, DA DTXD Khu vực huyện Phong Điền
10	Nâng cấp, mở rộng đường Ha Công, thị xã Hương Trà	8.000	Ban QL, DA DTXD Khu vực thị xã Hương Trà
11	Hệ thống điện chiếu sáng QL1 đoạn qua huyện Phú Lộc	15.000	Ban QL, DA DTXD Khu vực huyện Phú Lộc
12	Trình trang via hè, cây xanh trung tâm huyện A Lưới	10.000	Ban QL, DA DTXD Khu vực huyện A Lưới
13	Trình trang via hè, cây xanh trung tâm huyện Nam Đông	10.000	Ban QL, DA DTXD Khu vực huyện Nam Đông
14	Via hè Quốc lộ 1A đoạn qua thị xã Hương Thủy	10.000	Ban QL, DA DTXD Khu vực thị xã Hương Thủy
15	Dường giao thông vành đai phía đông xã Lộc Sơn (GD2)	10.000	Ban QL, DA DTXD Khu vực huyện Phú Lộc
16	Khu công nghiệp và khu kinh tế	94.467	
17	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021	800	
18	Dường trục chính trong KCN Phong Điền vào khu chức năng chế biến cá	800	Ban QL, Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh THH
19	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022	32.067	Ban QL, Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh THH
20	Dường phía Đông đèo Lập An	32.067	Ban QL, Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh THH
21	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2022	61.600	Ban QL, Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh THH
22	Dường trục chính Khu đô thị (hạn Mây	11.600	Ban QL, Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh THH
23	Dường nội khu phi thuế quan với khu cảng (hạn Mây	50.000	Ban QL, Khu Kinh tế, công nghiệp tỉnh THH
24	Du lịch	10.000	
25	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mĩ Công mở rộng-giải đoàn 2, dự án thành phần tỉnh THH	10.000	Ban QL, DA DTXD Công trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh)
26	Công nghệ thông tin	1.980	
27	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022	460	Sơ Kế hoạch và Dân tư
28	Hệ giải đoạn 2018-2020	460	
29	Nâng cấp hệ thống thông tin doanh nghiệp	200	Sơ Kế hoạch và Dân tư
30	Xây dựng hệ thống quản trị Du lịch thông minh	260	Sơ Du lịch
31	Dự án Hoàn thiện Công trình quyền điện từ tỉnh Thừa Thiên Huế	420	Tạm phòng (BND) tỉnh
32	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022	1.100	Sơ Kế hoạch và Đầu tư
33	Xây dựng hệ thống dự phòng nông hạ tầng dùng chung tỉnh	1.100	
34	Dự án khởi công mới năm 2022	89.000	
35	Thừa Thiên Huế	8.000	Ban QL, Khu vực PT đô thị tỉnh THH
36	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư TĐC2 - đô thị mới An Vân Dương	1.000	Ban QL, Khu vực PT đô thị tỉnh THH
37	Hạ tầng khu TĐ5 thuộc khu B - An Vân Dương (bao gồm tuyến đường 36m nội từ đường 100m Khu B vào Khu TĐ5)	1.000	Ban QL, Khu vực PT đô thị tỉnh THH
38	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022	80.000	
39	Dự án "Chương trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh)-tiền dự án Thừa Thiên Huế	50.000	Ban QL, DA DTXD Công trình phát triển các đô thị loại II (các đô thị xanh)

Số TT	Danh mục	Kế hoạch năm 2022	Chú đầu tư
2	Hàng lang kỹ thuật khu tái định cư Đai học Huế	30.000	Ban QLDA BTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH
VII	Cấp nước, thoát nước	10.000	dùng nguồn nhân ng, thuế lại tại san NM.
a	Dự án chuyên tiếp hoàn thành sau năm 2022	10.000	
1	ĐA cải thiện môi trường nước thành phố Huế	10.000	Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị TTH
B	Văn hóa, thông tin	421.900	
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022	1.900	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng Địa đạo Khu uy Trì Thiên Huế	1.900	Bao tàng Lịch sử tỉnh TTH
*	Trung tu di tích Huế	420.000	
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022	420.000	
1	Dự án Bảo tồn, tu bổ và tôn tạo hệ thống kinh thành Huế(hợp phần tu bổ, tôn tạo và EB, GPMB và tái định cư)	335.000	Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế
2	Hợp phần Bồi thường, giải phóng mặt bằng	335.000	Trung tâm Phát triển Quý đất thành phố Huế
2	Phục hồi Điện Kiến Trung-Từ Cẩm Thành	82.000	Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế
3	Tu bổ và phát huy giá trị tổng thể di tích lăng vua Gia Long(phần còn lại)	3.000	Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế
C	Bảo vệ môi trường	98.576	
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022	65.576	
1	Tích ứng và chống chịu với biến đổi khí hậu tỉnh TTH	1.080	Ban QLDA Luxembourg
2	Xu lý triệt để ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt tại các khu vực trồng diêm trên địa bàn tỉnh	14.465	Ban QLDA BTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH
3	Nghĩa trang nhân dân xã Phú Diên	6.887	Ban QLDA BTXD khu vực huyện Phú Vang
4	Hàng lang mở rộng nghĩa trang nhân dân Trường Đông, thị trấn Lăng Cô(giai đoạn 1)	25.144	Ban QLDA BTXD khu vực huyện Phú Lộc
5	Dự án cải tạo bãi chôn lấp số 2 Thủy Phương	18.000	Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị TTH
b	Dự án chuyên tiếp hoàn thành sau năm 2022	25.000	
1	Địa bàn thành phố Huế và vùng phụ cận	25.000	Sở Tài nguyên và Môi trường
c	Dự án khởi công mới năm 2022	8.000	
1	ĐA lo đổi rác thải sinh hoạt tại khu xử lý chất thải rắn Lộc Thủy, huyện Phú Lộc	8.000	Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị TTH
D	Y tế, dân số và gia đình	9.258	
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022	9.258	
1	Cải thiện dịch vụ y tế tỉnh Thừa Thiên Huế	758	Sở Y tế
2	Bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh TTH	8.500	Sở Y tế
E	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	41.300	
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022	22.300	
1	Trường THPT Bình Điện(giai đoạn 2)	8.000	Ban QLDA BTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH
2	Trường THCS Vinh Thành	400	Ban QLDA BTXD khu vực huyện Phú Vang
3	Trường THCS Hương Lâm	3.000	Ban QLDA BTXD khu vực huyện A Lưới
4	Trường THCS Nguyễn Hoàng	4.500	Ban QLDA BTXD khu vực thành phố Huế
5	Nhà thi đấu năng Trường THPT Tam Giang	6.400	Ban QLDA BTXD khu vực huyện Phong Điền
b	Dự án chuyên tiếp hoàn thành sau năm 2022	15.000	
1	Trường THPT Hai Bà Trưng	8.000	Ban QLDA BTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH
2	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	7.000	Ban chỉ đạo Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới
c	Dự án khởi công mới năm 2022	4.000	
1	Trường THCS Chu Văn An	4.000	Ban QLDA BTXD khu vực thành phố Huế
F	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị-xã hội	12.218	
a	Dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2021	300	
1	Trụ sở HĐND và UBND xã Lộc Điện	300	Ban QLDA BTXD khu vực huyện Phú Lộc
b	Dự án chuyên tiếp hoàn thành sau năm 2022	11.918	
1	Nhà khách Tỉnh ủy	5.000	Văn phòng Tỉnh ủy
2	Trụ sở Huyện ủy Phú Lộc	6.918	Ban QLDA BTXD khu vực huyện Phú Lộc
J	Quốc phòng	500	
a	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2022	500	
1	Doanh trại Đai đội 594 Phòng không	500	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh TTH
K	An ninh và trật tự an toàn xã hội	63.500	
a	Dự án chuyên tiếp hoàn thành sau năm 2022	13.500	

Số TT	Đanh mục	Kế hoạch năm 2022	Chi đầu tư
1	Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh	13.500	Công an tỉnh Thừa Thiên Huế
b	Dự án khởi công mới năm 2022	50.000	
1	Dầu tu hồ trợ trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và hồ trợ nạn, cứu hộ của Công an tỉnh	50.000	Công an tỉnh Thừa Thiên Huế
1	Quy hoạch	53.000	TribND thành phố Huế
1	Dự án lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	50.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	(Các dự án quy hoạch khác	3.000	Sở Xây dựng, TribND huyện, thị xã và TP Huế
M1	(Huấn bị đầu tư	2.000	
N	(Các dự án đã quyết toán	10.500	
O	Hoàn ứng trước ngân sách	32.873	
	Vốn NS địa phương	32.873	
1	Dự án phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung Pha	5.000	Ban QLDA phát triển nông thôn tổng hợp các tỉnh miền Trung (tỉnh TTH)
2	Dường nội từ đường Phạm Văn Đồng đến đường thủy Dương - Thuận An	10.000	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH
3	(Cầu bắc qua sông Lợi Nông(nội từ đường 26m khu nhà ở An Đông sang đường 100 khu A, Khu đô thị mới An Văn Dương)	230	Ban QL khu vực PT đô thị tỉnh TTH
4	Thích ứng và chống chịu với biến đổi khí hậu tỉnh TTH	1.200	Ban QLDA Luxembourg
5	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Thừa Thiên Huế	2.722	Sở Tài nguyên và Môi trường
6	Hà tầng kỹ thuật khu định cư Bầu Vả, giai đoạn 4	4.000	Ban QLDA DTXD công trình dân dụng và CN tỉnh TTH
7	Doanh trại Tiểu đoàn huấn luyện cơ động Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	4.721	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
8	Phục hồi và tôn tạo Khu lưu niệm đồng chí Tô Hữu	5.000	Ban QLDA DTXD khu vực huyện Quảng Điền
Q	(...)	115.000	
T	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI CHỮA ĐU ĐIỀU KIỆN GIAO KẾ HOẠCH	293.411	
V	Vốn nước ngoài	1.036.235	
1	Y tế, dân số và gia đình	50.992	Sở Y tế
2	Môi trường	814.304	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	Cường trình phát triển các đô thị II - các đô thị xanh	509.478	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	Dự án cải thiện môi trường nước thành phố Huế	304.826	TribND thành phố Huế
3	Tài nguyên	28.749	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Thừa Thiên Huế	28.749	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	Nông nghiệp, lâm nghiệp, di sản văn hóa và du lịch	71.429	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
4	Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (tỉnh Thừa Thiên - Huế)	71.429	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
5	Giao thông	20.833	
5	Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) (Huế)	20.833	Sở Giao thông Vận tải
5	Du lịch	49.929	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Bắc Trung Bộ - giai đoạn 2, dự án thành phần tỉnh Thừa Thiên Huế	49.929	Sở Kế hoạch và Đầu tư

**DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
CHO TỪNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC CẤP TỈNH NĂM 2022**

Đơn vị: Tr đồng

STT	Cơ quan, đơn vị	Chi thường xuyên (theo từng lĩnh vực)											
		Tổng số	Quản lý hành chính	Sự nghiệp Giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Sự nghiệp văn hóa thông tin	Sự nghiệp PTTT	Sự nghiệp thể dục thể thao	Sự nghiệp môi trường	Sự nghiệp kinh tế	Chi đảm bảo xã hội	Sự nghiệp khác
	Tổng cộng	2.477.519	426.627	673.990	41.776	756.511	100.820	15.574	34.750	8.680	337.881	65.386	14.822
	Trong đó:												
1	Văn phòng UBND tỉnh	45.951	40.493								5.458		
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	24.551	24.551										
3		0	0										
4	Sở Tài chính	15.983	15.983										
5	Sở Giáo dục Đào tạo	543.152	8.729	534.423									
6	Sở Văn hóa Thể thao	166.869	9.075	67.011			56.033		34.750				
7	Sở Du lịch	15.619	3.994	250							11.375		
8	Nhà xuất bản Thuận Hóa	1.275					1.275						
9	Sở Y tế	297.021	11.514	200		285.307							
10	Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ	3.210				3.210							
11	Sở Lao động Thương binh Xã hội	75.762	7.226	3.150							65.386		
12	Sở Khoa học và Công nghệ	21.980	5.349		16.631								
13	Sở Tư pháp	15.012	7.203	5.969							1.840		
14	Thanh tra tỉnh	11.742	11.742										
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	21.867	12.230	450							9.187		
16	Sở Nội vụ	28.646	13.867	1.150			1.287						12.342
17	Sở Công thương	15.767	7.291								8.476		
18	Sở Xây dựng	10.622	10.622										
19	Sở Giao thông vận tải	27.210	9.871								17.339		
20	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	174.957	69.116	1.130							104.711		
21	Sở Tài nguyên và Môi trường	37.485	9.902							5.680	21.903		
22	Sở Ngoại vụ	7.496	6.962	150							384		

TỶ LỆ PHÂN TRĂM (%) CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022
CÁC KHOẢN THU TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Stt	Nội dung	Tổng cộng	Phong Điền	Quảng Điền	Hương Trà	Hương Thủy	Phù Vang	Phủ Lộc	Nam Đông	A Lưới	TP Huế	Đơn vị: Triệu đồng	
												Ghi chú	
	Thu NSNN trên địa bàn giao huyện thu	1.813.100	124.900	87.400	127.900	215.718	155.105	136.612	30.260	22.630	912.575		
	Trong đó:												
1	- Phần ngân sách huyện, xã hưởng theo phân cấp không gồm thu tiền sử dụng đất, thu viện trợ, huy động đóng góp	1.033.500	59.300	40.500	61.000	109.080	52.805	73.090	17.060	18.230	602.435		Phần ngân sách huyện, xã hưởng theo phân cấp
2	- Thu tiền sử dụng đất	459.500	42.000	31.500	35.000	70.000	70.000	42.000	12.000	3.000	154.000		Phần ngân sách huyện, xã hưởng theo phân cấp
3	Thu huy động đóng góp, viện trợ	5.000									5.000		Phần ngân sách huyện, xã hưởng theo phân cấp

DỰ TOÁN CÂN ĐỐI THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 - KHỐI CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ HUẾ

Stt	Nội dung	Tổng cộng	Phong Điền	Quảng Điền	Hương Trà	Hương Thủy	Phước Vĩnh	Phước Lộc	Nam Đông	A Lưới	TP Huế	Ghi chú
I	PHẦN THU											
	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	5.897.100	628.568	467.294	432.425	524.080	595.309	647.717	297.903	492.779	1.811.025	
	Trong đó: Tổng thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp (1a - 1b - 3)	1.498.000	101.300	72.000	96.000	179.080	122.805	115.090	29.060	21.230	761.435	
1	Thu NSNN trên địa bàn giao huyện thu	1.813.100	124.900	87.400	127.900	215.718	155.105	136.612	30.260	22.630	912.575	
	Trong đó:											
a	- Phần ngân sách huyện, xã hưởng theo phân cấp không gồm thu tiền sử dụng đất, thu viện trợ, huy động đóng góp	1.033.500	59.300	40.500	61.000	109.080	52.805	73.090	17.060	18.230	602.435	
b	- Thu tiền sử dụng đất	459.500	42.000	31.500	35.000	70.000	70.000	42.000	12.000	3.000	154.000	Phần ngân sách huyện, xã hưởng theo phân cấp
2	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	4.079.000	503.668	379.894	304.525	308.362	440.204	511.105	267.643	470.149	893.450	
2.1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.329.769	410.764	301.369	234.755	230.574	349.449	422.673	212.405	404.073	763.707	
2.2	Bổ sung có mục tiêu	749.231	92.904	78.525	69.770	77.788	90.755	88.432	55.238	66.076	129.743	
a	Vốn đầu tư	164.408	19.134	16.733	16.187	15.413	16.248	18.545	16.856	24.446	20.846	
-	Vốn XDCB bổ sung mục tiêu theo tiêu chí	148.968	16.714	15.493	14.107	13.273	15.448	16.625	16.416	20.066	20.826	
-	hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng	15.440	2.420	1.240	2.080	2.140	800	1.920	440	4.380	20	
b	Vốn sự nghiệp	584.823	73.770	61.792	53.583	62.375	74.507	69.887	38.382	41.650	108.897	
3	Thu huy động đóng góp, viện trợ	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000	
II	PHẦN CHI											
	Tổng chi ngân sách huyện, xã	5.577.000	604.968	451.894	400.525	487.442	563.009	626.195	296.703	491.379	1.654.885	
	Trong đó:											
a.	Chi cân đối ngân sách huyện, xã	4.827.769	512.064	373.369	330.755	409.654	472.254	537.763	241.465	425.303	1.525.142	
b.	Chi bổ sung mục tiêu, gồm:	749.231	92.904	78.525	69.770	77.788	90.755	88.432	55.238	66.076	129.743	
-	Vốn đầu tư	164.408	19.134	16.733	16.187	15.413	16.248	18.545	16.856	24.446	20.846	
-	Vốn sự nghiệp	584.823	73.770	61.792	53.583	62.375	74.507	69.887	38.382	41.630	108.897	
1	Chi đầu tư phát triển	726.908	61.134	48.233	65.187	99.413	86.248	60.545	28.856	27.446	249.846	Tiền sử dụng đất huyện, xã hưởng: 459,5 tỷ đồng; - Vốn ĐTPT phân cấp cho các thị xã, thành phố Huế: 103 tỷ đồng; - Vốn ĐTPT tỉnh bổ sung có mục tiêu theo tiêu chí: 148,968 tỷ đồng; - Hỗ trợ người có công với cách mạng và nhà ở: 15,44 tỷ đồng.
2	Chi thường xuyên	4.750.692	533.834	396.361	328.838	380.029	467.461	555.150	263.147	455.633	1.370.239	
	Trong đó:											
-	Chi giao dục đào tạo và dạy nghề	2.517.488	288.264	206.985	168.113	198.940	254.617	318.128	132.059	236.812	713.570	
3	Dự phòng ngân sách	94.400	10.000	7.300	6.500	8.000	9.300	10.500	4.700	8.300	29.800	
4	Chi từ nguồn thu huy động đóng góp, viện trợ	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	5.000	

Đơn vị: Triệu đồng

DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

Stt	Nội dung	Tổng cộng	Phong Điền	Quảng Điền	Hương Trà	Hương Thủy	Phú Vang	Phù Lộc	Nam Đông	A Lưới	TP Huế	Nội dung
(A)	(B)	(1)=sum(2:10)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	TỔNG CỘNG	749.231	92.904	78.525	69.770	77.788	90.755	88.432	55.238	66.076	129.743	
1	Nguồn vốn đầu tư	164.408	19.134	16.733	16.187	15.413	16.248	18.545	16.856	24.446	20.846	
2	Nguồn vốn sự nghiệp	584.823	73.770	61.792	53.583	62.375	74.507	69.887	38.382	41.630	108.897	
1	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	21.160	3.850	3.000	1.380	2.180	4.590	2.830	460	1.260	1.610	Thực hiện Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa
2	Dịch vụ công ích thủy lợi	56.312	10.462	9.685	4.773	6.020	11.887	7.040	-	-	6.445	Thực hiện Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và Giá dịch vụ công ích thủy lợi do UBND tỉnh ban hành
3	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khác	507.351	59.458	49.107	47.430	54.175	58.030	60.017	37.922	40.370	100.842	

